

Số: **19** /QĐ-BNV

Hà Nội, ngày **10** tháng **01** năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2025

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Nghị định số 63/2022/NĐ-CP ngày 12/9/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-BNV ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của Bộ Nội vụ (theo bảng biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị dự toán thuộc, trực thuộc và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Bộ Tài chính;
- Cổng thông tin điện tử BNV;
- Lưu: VT, KHTC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Cao Huy



STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo đơn vị trực thuộc											
			Ban Tôn giáo Chính phủ	Trung tâm Thông tin và Truyền thông - Ban Tôn giáo CP	Viện nghiên cứu chính sách Tôn giáo	Ban Thi đua khen thưởng Trung ương	Trung tâm Thông tin truyền thông - Ban Thi đua - Khen thưởng TW	Văn phòng Bộ Nội vụ	Văn phòng Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước	Trung tâm lưu trữ quốc gia I	Trung tâm lưu trữ quốc gia II	Trung tâm lưu trữ quốc gia III	Trung tâm lưu trữ quốc gia IV	Trung tâm khoa học kỹ thuật VTLT
1.3	Sự nghiệp đào tạo (Loại 070 - Khoản 083)	10.500												
	Kinh phí tự chủ	10.500												
	Kinh phí không tự chủ	-												
1.4	Đào tạo, bồi dưỡng CBCC (Loại 070 - Khoản 085)	32.000	2.350	-	-	500	-	26.250	300	-	-	-	-	-
	Kinh phí không tự chủ	32.000	2.350			500		26.250	300					
	Trong đó : Chi ngoại tệ đoàn ra	16.280						16.280						
2	Sự nghiệp khoa học công nghệ (Loại 100 - Khoản 103)	22.617	-	-	1.730	-	-	-	-	-	-	-	-	150
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	9.650	-		150									150
	Nhiệm vụ khoa học cấp Bộ	9.150												
	Nhiệm vụ khoa học cấp cơ sở	500			150									150
2.2	Kinh phí thường xuyên tự chủ	10.207			1.296									
	<i>Trong đó kinh phí tiết kiệm 10% chi cải cách tiền lương</i>	88												
2.3	Kinh phí thường xuyên không tự chủ	2.760			284									
	<i>Trong đó: Quỹ thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP</i>	723			84									
3	Sự nghiệp văn hóa thông tin (Loại 160- Khoản 161)	80.300	-	-	-	-	-	-	-	14.362	13.961	24.374	9.411	6.163
	Kinh phí thực hiện tự chủ	46.956								8.609	8.011	13.156	4.932	4.292
	<i>Trong đó kinh phí tiết kiệm 10% chi cải cách tiền lương</i>	198								-	5	99	-	-
	Kinh phí không thực hiện tự chủ	33.344	-							5.753	5.950	11.218	4.479	1.871
	<i>Trong đó: Quỹ thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP</i>	3.100								590	530	898	337	245
4	Sự nghiệp bảo vệ môi trường (Loại 250 - Khoản 278)	1.950	1.950											
	Kinh phí thường xuyên không tự chủ	1.950	1.950											
5	Chi các hoạt động kinh tế	7.550	500	5.350	-	-	-	300	-	-	-	-	-	-
5.1	Sự nghiệp thông tin (Loại 280 - Khoản 314)	5.165	-	5.165										
	Kinh phí thực hiện tự chủ	5.165		5.165										
	<i>Trong đó kinh phí tiết kiệm 10% chi cải cách tiền lương</i>	31		31										
	Kinh phí không tự chủ	185		185										
	<i>Trong đó: Quỹ thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP</i>	185		185										
5.2	Hoạt động điều tra, khảo sát, quy hoạch (Loại 280 - Khoản 332)	2.200	500					300	-					-

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo đơn vị trực thuộc											
			Ban Tôn giáo Chính phủ	Trung tâm Thông tin và Truyền thông - Ban Tôn giáo CP	Viện nghiên cứu chính sách Tôn giáo	Ban Thi đua khen thưởng Trung ương	Trung tâm Thông tin truyền thông - Ban Thi đua - Khen thưởng TW	Văn phòng Bộ Nội vụ	Văn phòng Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước	Trung tâm lưu trữ quốc gia I	Trung tâm lưu trữ quốc gia II	Trung tâm lưu trữ quốc gia III	Trung tâm lưu trữ quốc gia IV	Trung tâm khoa học kỹ thuật VTLT
	Kinh phí không thực hiện tự chủ	2.200	500					300	-					
6	Hoạt động quản lý nhà nước	367.771	62.500	500	-	112.917	1.743	152.890	16.000	-	-	-	-	-
	Vốn trong nước (Loại 340 - Khoản 341)	359.385	62.500	500	-	112.917	1.743	152.890	15.945	-	-	-	-	-
a	Kinh phí thực hiện tự chủ	167.713	27.646			20.425	1.650	96.187	13.805					
	<i>Trong đó chi ngoại tệ đoàn ra</i>	<i>2.000</i>	<i>500</i>					<i>1.500</i>						
	<i>Trong đó kinh phí tiết kiệm 10% chi cải cách tiền lương</i>	<i>50</i>	<i>-</i>			<i>50</i>		<i>-</i>	<i>-</i>					
b	Kinh phí không thực hiện tự chủ	191.672	34.854	500		92.492	93	56.703	2.140					
	<i>Trong đó: Quỹ thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP</i>	<i>7.980</i>	<i>1.054</i>			<i>1.192</i>	<i>93</i>	<i>4.453</i>	<i>670</i>					
	Vốn trong nước (Loại 340 - Khoản 368)	55							55					
	Chi ngoại tệ đóng niên liễm	55							55					
	Vốn ngoài nước (Loại 340-Khoản 341)	8.331												
II	Chi viện trợ	9.000												
1	Loại 400 - Khoản 402: Chi viện trợ	9.000												
	Đào tạo cán bộ, học sinh Lào - Tiểu mục 7401	9.000												
	Địa điểm mở tài khoản : Tài khoản ngoại tệ tại Sở giao dịch Kho bạc Nhà nước (Mã số: 0003)		KBNN quận Cầu Giấy - Hà Nội (Mã số 0023)	KBNN quận Cầu Giấy - Hà Nội (Mã số 0023)	KBNN quận Hoàn Kiếm - Hà Nội (Mã số 0013)	KBNN quận Ba Đình -Hà Nội (Mã số 0012)	KBNN quận Ba Đình -Hà Nội (Mã số 0012)	KBNN quận Cầu Giấy - Hà Nội (Mã số 0023)	KBNN quận Ba Đình -Hà Nội (Mã số 0012)	KBNN quận Thanh Xuân - Hà Nội (Mã số 0022)	KBNN quận I - TP HCM (Mã số 0133)	KBNN quận Ba Đình -Hà Nội (Mã số 0012)	KBNN tỉnh Lâm Đồng (Mã số 2861)	KBNN quận Long Biên -Hà Nội (Mã số 0016)

STT	Nội dung	Chia ra theo đơn vị trực thuộc											
		Trung tâm Bảo hiểm tài liệu lưu trữ quốc gia	Trung tâm LTQG tài liệu điện tử	BQL Dự án hỗ trợ cải cách kỹ thuật thi tuyển công chức Việt Nam	Ban quản lý Dự án VNM10P01	Trung tâm Thông tin - Bộ Nội vụ	Tạp chí Tổ chức Nhà nước	Viện Khoa học Tổ chức Nhà nước	Học viện Hành chính quốc gia tại Hà Nội	Phân hiệu Học viện Hành chính quốc gia tại TP Hồ Chí Minh	Phân hiệu Học viện Hành chính quốc gia tại tỉnh Đắk Lắk	Phân hiệu Học viện Hành chính quốc gia tại tỉnh Quảng Nam	Viện Nghiên cứu Khoa học Hành chính
b	Kinh phí không thực hiện tự chủ			500	500	3.200	690	-					
	<i>Trong đó: Quỹ thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP</i>					327	191						
	Vốn trong nước (Loại 340 - Khoản 368)												
	Chi ngoại tệ đóng niên liễm												
	Vốn ngoài nước (Loại 340-Khoản 341)				8.331								
II	Chi viện trợ								9.000				
1	Loại 400 - Khoản 402: Chi viện trợ								9.000				
	Đào tạo cán bộ, học sinh Lào - Tiêu mục 7401								9.000				
	Địa điểm mở tài khoản : Tài khoản ngoại tệ tại Sở giao dịch Kho bạc Nhà nước (Mã số: 0003)	KBNN huyện Mê Linh - Hà Nội (Mã số 0040)	KBNN quận Ba Đình - Hà Nội (Mã số 0012)	KBNN quận Nam Từ Liêm - Hà Nội (Mã số 0017)	KBNN quận Cầu Giấy - Hà Nội (Mã số 0023)	KBNN quận Hai Bà Trưng - Hà Nội (Mã số 0014)	KBNN quận Cầu Giấy - Hà Nội (Mã số 0023)	KBNN quận Cầu Giấy - Hà Nội (Mã số 0023)	KBNN Đống Đa - Hà Nội (Mã số 0015)	KBNN Quận 10 - TP Hồ Chí Minh (Mã số 0117)	KBNN tỉnh Đắk Lắk (Mã số 2961)	KBNN tỉnh Thừa Thiên Huế (Mã số 1611)	KBNN Đống Đa - Hà Nội (Mã số 0015)

**THUYẾT MINH CĂN CỨ, NGUYÊN TẮC, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ
DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: **14** /QĐ-BNV ngày **10** tháng **01** năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

- Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;
- Căn cứ Thông tư số 88/2024/TT-BTC ngày 24/12/2024 của Bộ Tài chính quy định tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;
- Căn cứ Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;
- Căn cứ Quyết định số 1523/QĐ-TTg ngày 06/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Bộ Nội vụ thực hiện phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 cho các đơn vị như sau:

I. DỰ TOÁN THU, CHI CÁC KHOẢN PHÍ, LỆ PHÍ

Bộ Nội vụ thực hiện phân bổ cho các đơn vị đảm bảo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và theo đúng dự toán được Thủ tướng Chính phủ giao. Cụ thể như sau:

- Số thu phí, lệ phí: 2.707 triệu đồng, trong đó:
 - + Phí sử dụng tài liệu lưu trữ: 2.207 triệu đồng, giao cho 4 Trung tâm Lưu trữ quốc gia thuộc Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước.
 - + Phí dự thi nâng ngạch: 500 triệu đồng, giao cho Văn phòng Bộ Nội vụ.
- Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại: 891 triệu đồng
- Số phí, lệ phí nộp ngân sách: 1.816 triệu đồng.

II. DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYỀN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

1. Sự nghiệp giáo dục – đào tạo: 127.370 triệu đồng.

Bộ Nội vụ phân bổ trên cơ sở nội dung dự toán đề xuất tại Công văn số 4586/BNV-KHTC ngày 02/8/2024 gửi Bộ Tài chính và dự toán được Thủ tướng Chính phủ giao. Cụ thể như sau:

1.1. Chi cho cơ sở đào tạo (Học viện Hành chính Quốc gia): 95.370 triệu đồng

- Hỗ trợ kinh phí thường xuyên: 77.400 triệu đồng, gồm: (i) Cơ quan Học viện Hành chính quốc gia 53.628 triệu đồng, (ii) Phân hiệu Học viện Hành chính quốc gia tại TP. Hồ Chí Minh 14.458 triệu đồng, (iii) Phân hiệu Học viện Hành chính quốc gia tại tỉnh Quảng Nam 5.602 triệu đồng, (iv) Phân hiệu Học viện Hành chính quốc gia tại tỉnh Đắk Lắk 3.712 triệu đồng. Phân bổ theo Quỹ lương và định mức chi thường xuyên cho số người làm việc hưởng lương từ ngân sách

nhà nước theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng; đã tính giảm 3% chi hỗ trợ trực tiếp từ NSNN so với dự toán năm 2024 (không bao gồm quỹ lương và không bao gồm kinh phí cắt giảm, tiết kiệm 5% theo Chỉ thị 01/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ).

- Quỹ thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP: 3.228 triệu đồng. Phân bổ theo dự toán được Thủ tướng Chính phủ giao.

- Kinh phí cấp bù miễn giảm học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP: 10.139 triệu đồng. Phân bổ trên cơ sở báo cáo, đề xuất nhu cầu kinh phí thực hiện miễn giảm học phí cho sinh viên đại học chính quy năm 2025 của đơn vị.

- Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên là người dân tộc thiểu số theo Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg: 4.603 triệu đồng. Phân bổ trên cơ sở báo cáo, đề xuất nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên đại học chính quy năm 2025 của đơn vị.

1.2. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức ở trong nước: 20.000 triệu đồng.

a) Nhiệm vụ quản lý đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức 10.000 triệu đồng:

- Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý công chức, viên chức và công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2025: 700 triệu đồng;

- Tổng kết 10 năm thực hiện Quyết định số 163/QĐ-TTg ngày 25/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Nghiên cứu, xây dựng Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2026 - 2035: 500 triệu đồng.

- Tổng kết Đề án "Bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý trẻ và cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ của chính quyền địa phương ở nước ngoài giai đoạn 2023 - 2025" theo Quyết định số 1641/QĐ-TTg ngày 28/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ: 300 triệu đồng.

- Điều tra, khảo sát và nghiên cứu, đề xuất xây dựng bộ tiêu chuẩn bảo đảm chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với điều kiện Việt Nam: 500 triệu đồng.

- Điều tra, khảo sát và nghiên cứu, đề xuất xây dựng tiêu chuẩn, điều kiện để các cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu tham gia bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức: 500 triệu đồng.

- Điều tra, khảo sát và xây dựng tiêu chí đánh giá chất lượng bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức phục vụ xây dựng Phần mềm Đánh giá chất lượng bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức: 500 triệu đồng.

- Cập nhật, bổ sung, hoàn thiện chương trình, tài liệu bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng theo tiêu chuẩn ngạch công chức, chương trình, tài liệu bồi dưỡng theo vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý; xây dựng chương trình, tài liệu bồi dưỡng theo vị trí việc làm chuyên môn nghiệp vụ ngành Nội vụ: 3.200 triệu đồng.

- Bồi dưỡng cho lãnh đạo Sở Nội vụ, lãnh đạo Vụ/ Ban Tổ chức cán bộ của các bộ, ngành trung ương ở trong nước: 100 triệu đồng.

- Triển khai thực hiện Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 19/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Chương trình quốc gia về học tập ngoại

ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2019-2030": 2.700 triệu đồng.

- Thông tin, tuyên truyền về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức: 1.000 triệu đồng (Tập chí Tổ chức Nhà nước 700 triệu đồng, Trung tâm Thông tin 300 triệu đồng).

b) Bồi dưỡng theo Quyết định số 2282/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình "Tăng cường sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong các vị trí lãnh đạo và quản lý ở các cấp hoạch định chính sách giai đoạn 2011-2030": 2.000 triệu đồng.

c) Bồi dưỡng cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo theo Quyết định số 43/QĐ-TTg ngày 11/01/2022: 2.000 triệu đồng.

d) Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức Bộ Nội vụ: 6.000 triệu đồng

- Văn phòng Bộ: 3.250 triệu đồng; Trung tâm Thông tin bồi dưỡng về công nghệ thông tin, chuyển đổi số: 500 triệu đồng; Viện Khoa học Tổ chức Nhà nước bồi dưỡng nghiệp vụ nghiên cứu khoa học và xây dựng chính sách cho công chức, viên chức: 700 triệu đồng; Tạp chí Tổ chức Nhà nước bồi dưỡng nghiệp vụ báo chí, kỹ năng truyền thông chính sách pháp luật: 400 triệu đồng.

- Đào tạo, bồi dưỡng công chức Ban Tôn giáo Chính phủ: 350 triệu đồng.

- Đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương: 500 triệu đồng.

- Đào tạo, bồi dưỡng cho công chức, viên chức Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước: 300 triệu đồng.

1.3. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức ở nước ngoài: 12.000 triệu đồng.

2. Sự nghiệp khoa học công nghệ: 22.617 triệu đồng.

Bộ Nội vụ phân bổ trên cơ sở nội dung dự toán đề xuất tại Công văn số 4586/BNV-KHTC ngày 02/8/2024 gửi Bộ Tài chính và hướng dẫn nội dung kế hoạch và dự toán chi sự nghiệp khoa học công nghệ từ NSTW năm 2025 tại Công văn số 5101/BKH-CN-KHTC ngày 19/12/2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2.1. Nhiệm vụ khoa học cấp Bộ, cấp cơ sở: 9.650 triệu đồng

a) Đề tài cấp Bộ theo Quyết định số 460/QĐ-BNV ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt, bao gồm:

- Xây dựng chính sách ứng phó với an ninh phi truyền thống ở Việt Nam hiện nay: 250 triệu đồng;

- Cơ sở khoa học chuyên giao một số dịch vụ hành chính công cho xã hội: 250 triệu đồng;

- Giải pháp thu thập tài liệu lưu trữ số hình thành trong hệ thống quản lý và điều hành dùng chung cấp tỉnh vào lưu trữ lịch sử: 250 triệu đồng;

- Nghiên cứu sửa đổi Luật tổ chức chính quyền địa phương ở Việt Nam: 250 triệu đồng;

- Phân cấp quản lý ngân sách nhà nước giữa Trung ương và thành phố trực thuộc Trung ương - Nghiên cứu trường hợp Thành phố Hồ Chí Minh: 250 triệu đồng;

- Hoạt động lợi dụng tôn giáo - Thực trạng những vấn đề đặt ra và giải pháp: 250 triệu đồng;

- Tổ chức và hoạt động của Chính phủ đáp ứng yêu cầu nhà nước pháp quyền đến năm 2030 tầm nhìn 2045: 250 triệu đồng;

- Nghiên cứu mô hình tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm ở địa phương: 250 triệu đồng;

- Nâng cao năng lực đội ngũ công chức tại các cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện các tỉnh miền Trung: 250 triệu đồng;

- Hoàn thiện tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương: 250 triệu đồng;

- Cơ sở khoa học và thực tiễn trong việc thúc đẩy tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý bảo đảm bình đẳng giới trong cơ quan hành chính nhà nước: 250 triệu đồng;

- Môi quan hệ giữa Nhà nước với các tổ chức xã hội ở Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn: 400 triệu đồng.

b) Chương trình khoa học trọng điểm cấp Bộ

- “Quản lý công chức theo vị trí việc làm ở Việt Nam” (Quyết định số 468/QĐ-BNV ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ): 3.000 triệu đồng.

- “Quản trị địa phương ở Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn” (Quyết định số 468/QĐ-BNV ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ): 3.000 triệu đồng.

c) Đề tài, nhiệm vụ cấp cơ sở

- Viện Khoa học Tổ chức Nhà nước: 200 triệu đồng;

- Viện Nghiên cứu chính sách Tôn giáo: 150 triệu đồng;

- Trung tâm Khoa học kỹ thuật Văn thư lưu trữ: 150 triệu đồng.

2.2. Hoạt động thường xuyên của các tổ chức khoa học, công nghệ: 10.207 triệu đồng

Phân bổ theo Quỹ lương và định mức chi thường xuyên cho số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng; đã tính giảm 2-3% chi hỗ trợ trực tiếp từ NSNN so với dự toán năm 2024 (không bao gồm quỹ lương và không bao gồm kinh phí cắt giảm, tiết kiệm 5% theo Chỉ thị 01/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ).

- Viện Khoa học Tổ chức Nhà nước: 7.650 triệu đồng

- Viện Nghiên cứu Khoa học Hành chính: 1.261 triệu đồng

- Viện Nghiên cứu chính sách Tôn giáo: 1.296 triệu đồng

2.3. Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của 3 tổ chức khoa học, công nghệ: 723 triệu đồng (Viện Khoa học Tổ chức Nhà nước 500 triệu đồng, Viện Nghiên cứu chính sách Tôn giáo 84 triệu đồng, Viện Nghiên cứu Khoa học Hành chính 139 triệu đồng). Phân bổ theo dự toán được Thủ tướng

Chính phủ giao.

2.4. Nhiệm vụ không thường xuyên: 2.037 triệu đồng

- Quản lý khoa học, Hội đồng khoa học Bộ Nội vụ, Tăng cường năng lực nghiên cứu, thông tin khoa học, hội thảo khoa học, hợp tác quốc tế về khoa học công nghệ: 1.837 triệu đồng.

- Nhiệm vụ khoa học về tôn giáo: 200 triệu đồng.

3. Sự nghiệp văn hóa thông tin (Chi thường xuyên của 07 đơn vị sự nghiệp thuộc Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước): 80.300 triệu đồng

Bộ Nội vụ phân bổ trên cơ sở nội dung dự toán đề xuất tại Công văn số 4586/BNV-KHTC ngày 02/8/2024 gửi Bộ Tài chính và dự toán được Thủ tướng Chính phủ giao. Cụ thể như sau:

3.1. Kinh phí chi thường xuyên: 46.956 triệu đồng

Chi hoạt động bộ máy: 46.956 triệu đồng, gồm: (i) Trung tâm Lưu trữ quốc gia I 8.609 triệu đồng, (ii) Trung tâm Lưu trữ quốc gia II 8.011 triệu đồng, (iii) Trung tâm Lưu trữ quốc gia III 13.156 triệu đồng, (iv) Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV 4.932 triệu đồng, (v) Trung tâm Bảo hiểm tài liệu lưu trữ quốc gia 4.071 triệu đồng, (vi) Trung tâm LTQG tài liệu điện tử 3.885 triệu đồng, (vii) Trung tâm Khoa học kỹ thuật VTLT 4.292 triệu đồng. Phân bổ theo Quỹ lương và định mức chi thường xuyên cho số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng; đã tính giảm 2-3% chi hỗ trợ trực tiếp từ NSNN so với dự toán năm 2024 (không bao gồm quỹ lương và không bao gồm kinh phí cắt giảm, tiết kiệm 5% theo Chỉ thị 01/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ).

3.2. Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của 7 đơn vị: 3.100 triệu đồng (Trung tâm Lưu trữ quốc gia I 590 triệu đồng, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II 530 triệu đồng, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III 898 triệu đồng, Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV 337 triệu đồng, Trung tâm Bảo hiểm tài liệu lưu trữ quốc gia 273 triệu đồng, Trung tâm LTQG tài liệu điện tử 227 triệu đồng, Trung tâm Khoa học kỹ thuật VTLT 245 triệu đồng). Phân bổ theo dự toán được Thủ tướng Chính phủ giao.

3.3. Nhiệm vụ giao không thường xuyên: 30.244 triệu đồng, gồm:

- + Mua bảo hiểm cháy nổ: 803 triệu đồng;
- + Chương trình công bố tài liệu lưu trữ quốc gia: 3.300 triệu đồng;
- + Điện, nhiên liệu bảo quản tài liệu lưu trữ: 11.300 triệu đồng;
- + Đề án "Bảo quản và Phát huy giá trị tài liệu Mộc bản": 2.430 triệu đồng;
- + Đề án "Bảo quản và phát huy giá trị tài liệu Châu bản": 2.750 triệu đồng;
- + Xử lý nghiệp vụ tài liệu lưu trữ: chỉnh lý, tu bổ, khử trùng, khử axit tài liệu, các nghiệp vụ xử lý tài liệu khác: 1.361 triệu đồng;
- + Đề án "Quản lý tài liệu điện tử trong các cơ quan nhà nước": 100 triệu đồng.
- + Duy tu bảo dưỡng kho, hệ thống trang thiết bị chuyên dụng: 8.200 triệu đồng.

4. Sự nghiệp bảo vệ môi trường: 1.950 triệu đồng

Phân bổ cho Ban Tôn giáo Chính phủ thực hiện “Tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật về môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu cho các chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ các tổ chức tôn giáo, đại diện Ban quản lý các cơ sở tín ngưỡng, người tham gia các hoạt động tín ngưỡng” trên cơ sở nội dung dự toán đề xuất tại Công văn số 3740/BNV-KHTC ngày 28/6/2024 gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường và thông báo nội dung chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trung ương năm 2025 của các Bộ, ngành tại Công văn số 8824/BTNMT-KHTC ngày 16/12/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5. Chi sự nghiệp kinh tế : 7.550 triệu đồng.

Bộ Nội vụ phân bổ trên cơ sở nội dung dự toán đề xuất tại Công văn số 4586/BNV-KHTC ngày 02/8/2024 gửi Bộ Tài chính và dự toán được Thủ tướng Chính phủ giao. Cụ thể như sau:

5.1. Kinh phí hoạt động thường xuyên cho Trung tâm Thông tin và Truyền thông - Ban Tôn giáo Chính phủ: 5.165 triệu đồng. Phân bổ theo Quỹ lương và định mức chi thường xuyên cho số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng; đã tính giảm 3% chi hỗ trợ trực tiếp từ NSNN so với dự toán năm 2024 (không bao gồm quỹ lương và không bao gồm kinh phí cắt giảm, tiết kiệm 5% theo Chỉ thị 01/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ).

5.2. Quỹ thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Trung tâm Thông tin và Truyền thông - Ban Tôn giáo Chính phủ: 185 triệu đồng.

5.3. Chi điều tra cơ bản: 1.900 triệu đồng

a) 03 Dự án chuyển tiếp (Quyết định số 459/QĐ-BNV ngày 28/6/2023):

Điều tra thực trạng tổ chức và hoạt động của chính quyền xã ở nước ta hiện nay: 500 triệu đồng;

Đánh giá kết quả thực hiện cơ chế, chính sách đặc thù của đơn vị hành chính cấp tỉnh: 500 triệu đồng;

Khảo sát thực trạng hoạt động du lịch tâm linh liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo ở VN - Những vấn đề đặt ra trong công tác quản lý: 500 triệu đồng.

b) 02 Dự án mở mới (Quyết định số 467/QĐ-BNV ngày 28/6/2024):

Điều tra, khảo sát thực trạng cài cách hành chính trong lĩnh vực tổ chức bộ máy hành chính nhà nước và công vụ, công chức giai đoạn 2021-2025: 200 triệu đồng;

Điều tra thực trạng đội ngũ những người làm việc không chuyên trách cấp xã: 200 triệu đồng.

5.4. Kinh phí thực hiện Dự án Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ bản đồ địa giới theo Quyết định số 513/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (kéo dài thời gian thực hiện Dự án theo Quyết định số 302/QĐ-TTg ngày 28/3/2023): 300 triệu đồng.

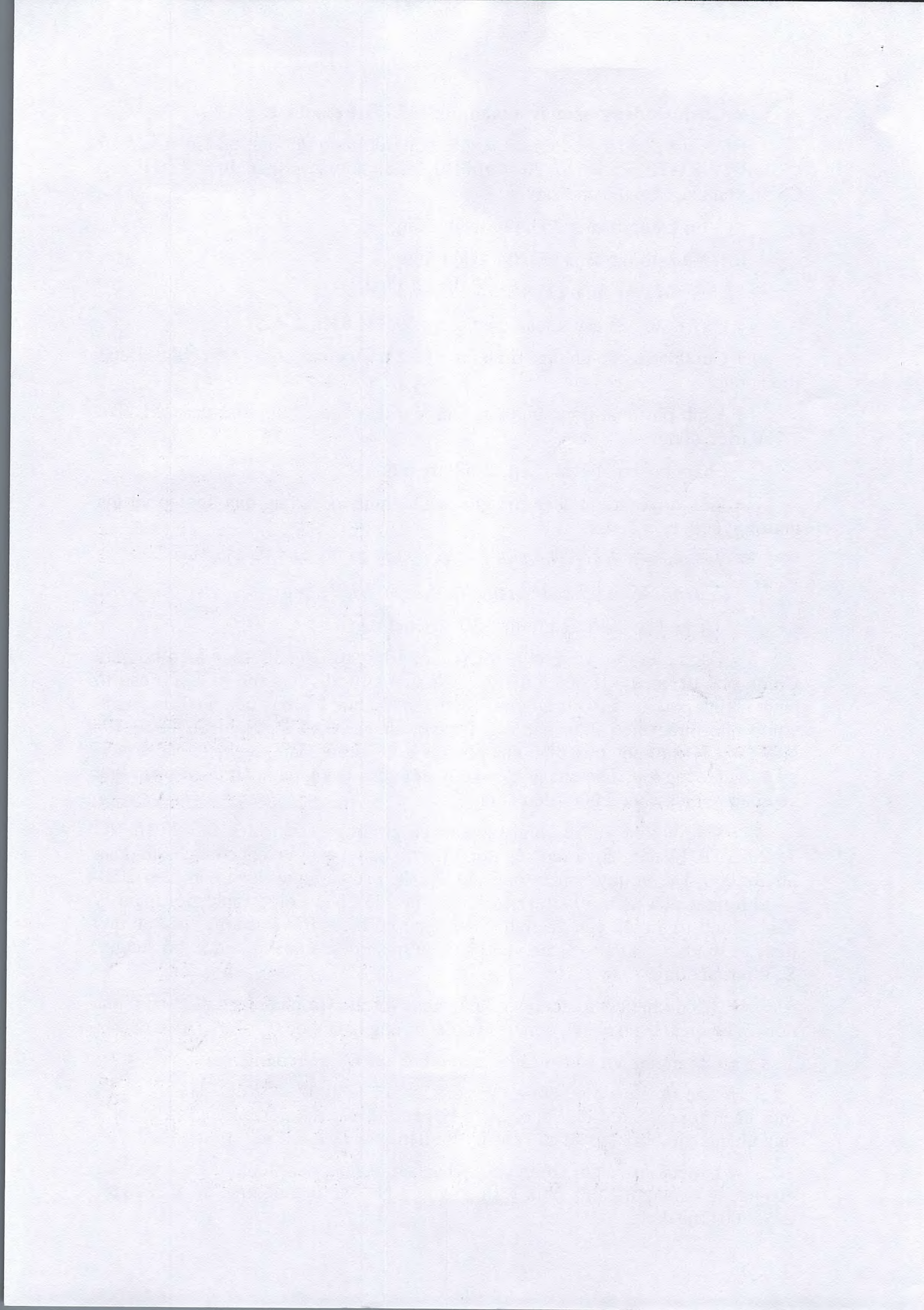
6. Chi hoạt động quản lý nhà nước: 367.771 triệu đồng.

Bộ Nội vụ phân bổ trên cơ sở nội dung dự toán đề xuất tại Công văn số 4586/BNV-KHTC ngày 02/8/2024 gửi Bộ Tài chính và dự toán được Thủ tướng Chính phủ giao. Cụ thể như sau:

***) Vốn trong nước: 359.440 triệu đồng**

6.1. Văn phòng Bộ: 152.890 triệu đồng

- *Kinh phí thực hiện tự chủ: 96.187 triệu đồng:*
 - + Quỹ lương và các khoản đóng góp: 69.324 triệu đồng;
 - + Chi thường xuyên theo định mức 65,2 triệu đồng x 366 biên chế: 23.863 triệu đồng;
 - + Kinh phí hoạt động cho các Ban chỉ đạo của Chính phủ đặt tại BNV: 1.200 triệu đồng;
 - + Thăm hỏi cán bộ cao cấp: 1.200 triệu đồng;
 - + Giải quyết tranh chấp địa giới hành chính và hướng dẫn nghiệp vụ địa phương: 600 triệu đồng;
- *Quỹ thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP: 4.453 triệu đồng*
- *Kinh phí không thực hiện tự chủ: 52.250 triệu đồng:*
 - + Đề án Cải cách tiền lương: 300 triệu đồng;
 - + Các nhiệm vụ về tổ chức biên chế: Tổng kết 20 năm thực hiện bộ máy Chính phủ từ khóa XII đến khóa XV; Nghiên cứu, đề xuất mô hình, cơ cấu tổ chức Chính phủ khóa XVI; Đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống hành chính nhà nước theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW; Hoàn thiện quy định của pháp luật về hướng dẫn xếp hạng các đơn vị sự nghiệp công lập; Thể chế hóa các quy định của Đảng để hoàn thiện pháp luật về quản lý biên chế: 2.000 triệu đồng;
 - + Các nhiệm vụ về chính quyền địa phương: Triển khai thực hiện NQ 35/2023/UBTVQH 15 về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030; Đề án quy hoạch tổng thể ĐVHC các cấp giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045; Triển khai thực hiện phân định ranh giới quản lý hành chính trên biển của 28 tỉnh, thành phố có biển; Rà soát tổng thể các quy định về tổ chức CQĐP và các văn bản liên quan để đề xuất sửa đổi, bổ sung...: 2.500 triệu đồng;
 - + Triển khai công tác thống kê ngành Nội vụ; Cơ chế chính sách tài chính đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ: 1.890 triệu đồng;
 - + Các nhiệm vụ về cải cách hành chính: 8.000 triệu đồng;
 - + Các nhiệm vụ về công vụ, công chức: Tổng kết Đề án "Thí điểm đổi mới cách tuyển chọn lãnh đạo, quản lý cấp vụ, cấp sở, cấp phòng"; Cập nhật ngân hàng câu hỏi, đáp án cho các kỳ thi nâng ngạch ...: 1.500 triệu đồng;
 - + Nhiệm vụ về phi chính phủ: Khảo sát, đánh giá về tổ chức và hoạt động của các tổ chức phi chính phủ; Nghiệp vụ QLNN và tổ chức hoạt động của Hội, quỹ: 800 triệu đồng;



+ Thi nâng ngạch công chức, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức: 600 triệu đồng;

+ Các nhiệm vụ đặc thù về công tác thanh niên và tổng hợp: Triển khai Luật Thanh niên; Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021-2030; Chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ; Chế độ báo cáo thống kê về thanh niên Việt Nam; Hội nghị đối thoại của Thủ tướng với thanh niên; Kiểm tra việc thực hiện cơ chế, chính sách đối với thanh niên từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi theo Nghị định số 13/2021/NĐ-CP; Chính sách đối với thanh niên xung phong; Triển khai Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở; Công tác dân vận; Thực hiện Nghị định số 98/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc thành lập tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội tại doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế ...: 1.200 triệu đồng;

+ Đề án triển khai “Tuyên bố ASEAN về vai trò của nền công vụ làm chất xúc tác trong việc đạt được Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025” theo Quyết định số 1439/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ; Đề án về đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương đến năm 2030 của Bộ Nội vụ; Đề án "Tăng cường hợp tác quốc tế về xây dựng nền công vụ giai đoạn 2022-2026" theo QĐ 869/QĐ-TTg ngày 15/11/2022; Đề án phát triển mối quan hệ với các đối tác Nhật Bản đến năm 2030 theo Quyết định số 900/QĐ-BNV ngày 13/11/2023: 1.200 triệu đồng;

+ Hỗ trợ chi phí bảo trì, bảo dưỡng trụ sở, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh khuôn viên, cây cảnh... tại trụ sở Bộ: 9.000 triệu đồng;

+ Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức theo Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 25/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ: 16.000 triệu đồng;

+ Thuê dịch vụ CNTT: Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính (Tên cũ: Hệ thống một cửa điện tử và dịch vụ công trực tuyến): 2.000 triệu đồng;

+ Đề án Rà soát văn bản tài liệu có chứa bí mật nhà nước tại lưu trữ cơ quan Bộ Nội vụ thực hiện gia hạn thời hạn bảo vệ bí mật NN, điều chỉnh độ mật hoặc giải mật: 300 triệu đồng;

+ Điều tra thí điểm năm 2025 đối với cơ sở hành chính và đơn vị sự nghiệp để phục vụ tổng điều tra năm 2026: 1.000 triệu đồng;

+ Tổ chức các hoạt động kỷ niệm 80 năm ngày thành lập Bộ Nội vụ và ngày truyền thống của ngành TCNN: 3.000 triệu đồng;

+ Đại hội Đảng bộ Bộ Nội vụ nhiệm kỳ 2025-2030: 960 triệu đồng.

6.2. Trung tâm Thông tin - Bộ Nội vụ: 8.100 triệu đồng

- Kinh phí hoạt động thường xuyên: 4.900 triệu đồng. Phân bổ theo Quỹ lương và định mức chi thường xuyên cho số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng; đã tính giảm 2% chi hỗ trợ trực tiếp từ NSNN so với dự toán năm 2024 (không bao gồm quỹ lương và không bao gồm kinh phí cắt giảm, tiết kiệm 5% theo Chỉ thị 01/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ).

- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP: 327 triệu đồng.

- Công thông tin điện tử Bộ Nội vụ, các website, cơ sở dữ liệu văn bản pháp luật, thư viện; Tuyên truyền chuyên mục thực hiện Nghị quyết Trung ương trên công thông tin điện tử Bộ Nội vụ: 670 triệu đồng;

- Quản trị, vận hành và đảm bảo an toàn thông tin Trung tâm tích hợp dữ liệu của Bộ Nội vụ; các dịch vụ kèm theo của phần mềm Voffice (dịch vụ sim ký số CA và dịch vụ tin nhắn thông báo Bulk SMS)...: 2.203 triệu đồng.

6.3. Tạp chí Tổ chức Nhà nước: 3.790 triệu đồng

- Kinh phí hoạt động thường xuyên của Tạp chí TCNN, Tạp chí Tổ chức Nhà nước điện tử: 3.100 triệu đồng. Phân bổ theo Quỹ lương và định mức chi thường xuyên cho số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng; đã tính giảm 3% chi hỗ trợ trực tiếp từ NSNN so với dự toán năm 2024 (không bao gồm quỹ lương và không bao gồm kinh phí cắt giảm, tiết kiệm 5% theo Chỉ thị 01/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ).

- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP: 191 triệu đồng.

- Thông tin tuyên truyền các Đề án chương trình trên Tạp chí, Tạp chí TCNN điện tử: 499 triệu đồng.

6.4. Vốn đối ứng dự án viện trợ: 1.000 triệu đồng (Dự án VNM10P01: 500 triệu đồng, Dự án hỗ trợ thi tuyển công chức VN: 500 triệu đồng). Phân bổ trên cơ sở Văn kiện Dự án đã được phê duyệt và Thông tư số 66/2023/TT-BTC ngày 31/10/2023 của Bộ Tài chính.

6.5. Văn phòng Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước: 16.000 triệu đồng.

- *Kinh phí thực hiện tự chủ: 13.805 triệu đồng*

+ Quỹ lương và các khoản đóng góp: 10.285 triệu đồng.

+ Chi thường xuyên theo định mức 54 biên chế x 65,2 triệu đồng: 3.520 triệu đồng.

- *Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP: 670 triệu đồng*

- *Kinh phí không thực hiện tự chủ: 1.525 triệu đồng, gồm:*

+ Đóng niên liễm: 55 triệu đồng;

+ Thông tin, tuyên truyền, công bố, giới thiệu tài liệu lưu trữ: 710 triệu đồng;

+ Xây dựng, quản lý các Đề án Lưu trữ: 250 triệu đồng;

+ Phần mềm quản lý văn bản điện tử: 140 triệu đồng;

+ Triển khai Luật Lưu trữ sửa đổi: 220 triệu đồng;

+ Đại hội Đảng bộ Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước: 150 triệu đồng.

6.6. Ban Tôn giáo Chính phủ: 63.000 triệu đồng.

- *Kinh phí thực hiện tự chủ: 27.646 triệu đồng*

+ Quỹ lương và các khoản đóng góp: 17.000 triệu đồng

+ Chi thường xuyên theo định mức 89 biên chế x 65,2 triệu đồng: 5.803 triệu đồng;

+ Các nhiệm vụ chuyên môn đặc thù chỉ đạo công tác tôn giáo địa phương, nghiệp vụ chuyên môn Phật giáo, Công giáo, Tin lành, Hoà hảo, Cao đài và các tôn giáo khác: 4.843 triệu đồng;

- *Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP: 1.054 triệu đồng*

- *Kinh phí không thực hiện tự chủ: 34.300 triệu đồng, gồm:*

+ Kinh phí đặc thù theo Quyết định 10/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: 23.000 triệu đồng;

+ Công tác tin lành Tây Nguyên, Tây Bắc và các nhiệm vụ đối với một số tổ chức Tôn giáo chưa được công nhận: 2.500 triệu đồng;

+ Tuyên truyền phổ biến pháp luật tín ngưỡng, tôn giáo: 1.500 triệu đồng

+ Kế hoạch công tác liên quan đến Hồi giáo nhằm phát triển quan hệ với các quốc gia Hồi giáo và đồng bào Chăm Hồi giáo, Chăm bà la môn: 600 triệu đồng;

+ Đề án tiếp tục hỗ trợ cho các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng của cộng đồng người VN ở nước ngoài, tạo điều kiện để kiều bào được tham gia các sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng trong nước: 300 triệu đồng;

+ Đề án nghiên cứu thực trạng cơ sở tín ngưỡng ở Việt Nam hiện nay: 1.000 triệu đồng;

+ Tuyên truyền : Nhận diện về lệch chuẩn trong hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay: 400 triệu đồng;

+ Duy trì hệ thống dịch vụ công trực tuyến: 290 triệu đồng;

+ Dự án Thực trạng Công giáo trên địa bàn miền núi phía Bắc và đề xuất giải pháp, kiến nghị: 300 triệu đồng;

+ Dự án Thực trạng Phật giáo Mật tông ở Việt Nam và đề xuất giải pháp, kiến nghị: 300 triệu đồng;

+ Đề án Tăng cường hợp tác quốc tế để xây dựng và phát triển ngành Halal Việt Nam đến năm 2030: 300 triệu đồng;

+ Công tác quản lý nhà nước đối với đạo Cao đài giai đoạn 2024 - 2034 theo Kết luận 51-KL/TW của Ban Bí thư về tiếp tục chủ trương công tác đối với đạo Cao đài trong tình hình mới: 500 triệu đồng;

+ Đề án “Nghiên cứu tình hình, đề xuất giải pháp đối với hoạt động tôn giáo của các tổ chức, cá nhân người nước ngoài tại Việt Nam”: 350 triệu đồng;

+ Kế hoạch triển khai Luật Đất đai 2024 và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo giai đoạn 2024 - 2029: 300 triệu đồng;

+ Tăng cường công tác đối ngoại về lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo theo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang tại Công văn số 512/VPCP-NC của Văn phòng Chính phủ ngày 16/02/2024: 200 triệu đồng;

+ Duy trì hệ thống mạng, trung tâm tích hợp dữ liệu và chuyển đổi hệ thống IPV6 của Ban Tôn giáo Chính phủ: 250 triệu đồng;

+ Duy trì hệ thống trang thông tin điện tử của Ban Tôn giáo Chính phủ bảo đảm an toàn theo cấp độ: 210 triệu đồng;

+ Triển khai kết luận 63/KL-TW ngày 03/10/2023 của Ban Bí thư TW và Quyết định 65/QĐ-TTg ngày 20/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ: 1.500 triệu đồng;

+ Duy trì trang thông tin điện tử tiếng Anh: 500 triệu đồng.

6.7. Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương: 114.660 triệu đồng

- *Kinh phí thực hiện tự chủ: 20.425 triệu đồng*

+ Quỹ lương và các khoản đóng góp: 15.600 triệu đồng.

+ Chi thường xuyên theo định mức 74 biên chế x 65,2 triệu: 4.825 triệu đồng.

- *Quỹ thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP: 1.285 triệu đồng (Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương 1.192 triệu đồng, Trung tâm Thông tin - Truyền thông 93 triệu đồng).*

- *Kinh phí không thực hiện tự chủ: 91.300 triệu đồng, gồm:*

+ Kinh phí của Hội đồng TĐKT Trung ương: 200 triệu đồng;

+ Khen thưởng cụm khối thi đua, kiểm tra giám sát hoạt động cụm khối thi đua, tuyên truyền người tốt việc tốt: 700 triệu đồng;

+ Sản xuất, vận chuyển hiện vật khen thưởng, viết bằng khen và các nội dung liên quan đến hiện vật khen thưởng: 60.000 triệu đồng;

+ Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ XI: 30.000 triệu đồng;

+ Thuê chỗ đặt máy chủ và quản trị cơ sở dữ liệu cho hệ thống các phần mềm: Quản lý hồ sơ thi đua, khen thưởng và Quản lý, khai thác kết quả khen thưởng cấp nhà nước: 400 triệu đồng;

- *Kinh phí hoạt động thường xuyên của Trung tâm Thông tin - Truyền thông: 1.650 triệu đồng.*

***) Vốn ngoài nước: 8.331 triệu đồng**

Phân bổ cho Dự án “Hỗ trợ Chính phủ Việt Nam thực hiện và giám sát thực hiện luật, chính sách phát triển thanh niên toàn diện và thúc đẩy sự tham gia của thanh niên, bao gồm cả trong tình trạng khủng hoảng về thiên tai và dịch bệnh” – VNM10P01: 8.331 triệu đồng trên cơ sở đề xuất nhu cầu của đơn vị và theo số dự toán được Thủ tướng Chính phủ giao.

III. CHI VIỆN TRỢ: 9.000 triệu đồng

Phân bổ cho Học viện Hành chính quốc gia thực hiện đào tạo cho sinh viên và cán bộ Lào theo đúng dự toán được Thủ tướng Chính phủ giao.